

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 4 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Điền

Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1977; cư trú tại: Đai Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu ngày 12/5/2004. Sau khi kết hôn khoảng 02 tháng sau anh B có làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Đai Loan chung sống với nhau được 02 năm. Quá trình chung sống anh B có hành vi bạo lực với chị A nên chị A đã về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Chị A xác định chị và anh B không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh B, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hồ sơ ủy thác bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy triệu tập cho anh B theo quy định của pháp luật. Ngày 04/11/2019, Bộ Tư pháp có Công văn số 3628/BTP-PLQT về kết quả thực hiện ủy thác đối với anh B: “...*Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác nêu trên vào ngày 18/09/2019 bằng phương thức: Gửi hồ sơ tại đồn công an*”. Tuy nhiên, anh B không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, 56, 121, 122, 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự, Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B cư trú tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với anh B theo quy định của pháp luật nhưng anh B cũng không về Việt Nam tham gia phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử của Tòa án. Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228

và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A và anh B.

[2] Xét yêu cầu của chị A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu ngày 12/5/2004 nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị A và anh B chung sống với nhau tại Đai Loan khoảng 02 năm, sau đó chị A về Việt Nam sống cho đến nay. Từ khi về Việt Nam, anh B không sang Việt Nam thăm chị A, anh chị cũng không còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người ở một nơi nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, nhưng hôn nhân của chị A và anh B không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau và hiện nay chị A và anh B mỗi người một nơi, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị A không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Lệ phí ủy thác tư pháp và án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị A ly hôn với anh B.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Lệ phí ủy thác tư pháp và án phí:

3.1 Lệ phí ủy thác tư pháp, chị A phải chịu 200.000 đồng. Chị A đã nộp xong lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0010108 ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

3.2 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị A phải chịu 300.000 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010159 ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều